

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày 26-3-2025

V/v: “Tranh chấp
hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thuỳ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Quốc Thanh
- Bà Ngô Thị Thuý Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân - Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 434/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2024/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S)

Trụ sở cũ: Số A P, Phường C, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở mới: Số G L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Xuân H, chức vụ: Tổng Giám đốc uỷ quyền tham gia tố tụng lại cho ông Đào Hoàng P, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh V, có mặt

Địa chỉ chi nhánh: Số A L, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(Theo Quyết định về việc uỷ quyền số 1079/2025/QĐ-HĐTV ngày 15/02/2025 và Quyết định uỷ quyền số 18/2025/QĐ-TGD ngày 16/02/2025 của Ngân hàng TNHH MTV S)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1991, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15/5/2024; các bản tự khai ngày 25/12/2024, ngày 13/01/2025, ngày 07/3/2025, ngày 26/3/2025; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 25/12/2024, ngày 13/01/2025 và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S là ông Đào Hoàng P trình bày:

Ngày 12/7/2022, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh V (gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 01212344/0135082901T22031 với bà Nguyễn Thị Thu T, theo đó Ngân hàng cho bà T vay số tiền 45.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên vay rút khoản vốn vay đầu tiên); Lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 9%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 17,51%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp thành 35 kỳ bằng nhau và 1 kỳ cuối (từ tháng 1 đến tháng 35: 1.590.000đồng/tháng, tháng 36 đóng 1.500.000 đồng); mục đích vay tiêu dùng; vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T trả được 21.330.000 đồng; trong đó nợ gốc là 14.197.144 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.114.866 đồng, lãi quá hạn là 17.990 đồng thì ngưng. Nay đại diện Ngân hàng yêu cầu buộc bà T trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày 26/3/2025 là 38.254.388 đồng, trong đó nợ gốc là 30.802.856 đồng, lãi trong hạn là 5.035.134 đồng, lãi quá hạn là 2.416.398 đồng; bà T tiếp tục chịu lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận từ ngày 27/3/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Bà Nguyễn Thị Thu T là bị đơn được triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc không tham gia phiên tòa, theo Công văn số 43/CV-VKS ngày 24/02/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thay đổi thông tin của nguyên đơn:* Tại Quyết định về việc sửa đổi nội dung Giấy phép hoạt động của Ngân hàng Đ1 số 42/QĐ-TTGSNH2 ngày 14/02/2025 của Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng N thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 thay đổi tên gọi mới là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S (gọi tắt là V1).

[1.2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng cho vay trả góp; bà T có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về xét xử vắng mặt:* Ông Đào Hoàng P là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07/3/2025; bà T là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông bà theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện:* Theo bản khai ngày 26/3/2025, đại diện V1 yêu cầu bà T trả số tiền gốc, lãi tính đến ngày 26/3/2025 là 38.254.388 đồng, trong đó nợ gốc là 30.802.856 đồng, lãi trong hạn là 5.035.134 đồng, lãi quá hạn là 2.416.398 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 27/3/2025 cho đến khi trả xong nợ. Như vậy, so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì tiền nợ gốc không thay đổi, tiền nợ lãi thay đổi do phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên không coi đây là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy, bà T là bị đơn được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa, như vậy bà T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy

định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trong quá trình Tòa án thu thập để xem xét giải quyết.

[2.2] *Xét hợp đồng tín dụng*: Theo tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện, ngày 12/7/2022 Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 - Chi nhánh V (gọi tắt là Ngân hàng) ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 01212344/0135082901T22031 với bà Nguyễn Thị Thu T; theo đó Ngân hàng cho bà T vay số tiền 45.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng (kể từ ngày tiếp theo của ngày Bên vay rút khoản vốn vay đầu tiên); Lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 9%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 17,51%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức thanh toán: Nợ gốc và lãi vay được bên vay trả góp thành 35 kỳ bằng nhau và 1 kỳ cuối (từ tháng 1 đến tháng 35: 1.590.000đồng/tháng, tháng 36 đóng 1.500.000 đồng); mục đích vay vốn: tiêu dùng; hình thức bảo đảm nợ vay: không có tài sản bảo đảm.

[2.3] Xét thấy, Hợp đồng tín dụng thể hiện số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất vay, mục đích vay, hình thức vay, hình thức thanh toán và ngày trả nợ cuối. Như vậy, giao dịch giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[2.4] Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bà T đã trả được số tiền gốc, lãi là 21.330.000 đồng; trong đó nợ gốc là 14.197.144 đồng, nợ lãi trong hạn là 7.114.866 đồng, lãi quá hạn là 17.990 đồng thì ngưng. Tính đến ngày 26/3/2025 bà còn nợ số tiền 38.254.388 đồng, trong đó nợ gốc là 30.802.856 đồng, lãi trong hạn là 5.035.134 đồng, lãi quá hạn là 2.416.398 đồng.

[2.5] Bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 11 của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp (có đối tác liên kết) số 01212344/0135082901T22031 ngày 12/7/2022; Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở, đôn đốc nhưng bà T không trả. Nay V1 yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi của khoản vay trên, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh của hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

quy định “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Vì vậy, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $38.254.388 \text{ đồng} \times 5\% = 1.913.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn) (*Tranh chấp từ 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, mức thu án phí là 5% giá trị tài sản tranh chấp*).

Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu T trả nợ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S tính đến ngày 26/3/2025 là 38.254.388đ (*Ba mươi tám triệu, hai trăm năm mươi bốn ngàn, ba trăm tám mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 30.802.856 đồng, lãi trong hạn là 5.035.134 đồng, lãi quá hạn là 2.416.398 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 26/3/2025) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S, bà Nguyễn Thị Thu T còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ;

4. Trường hợp trong các hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm xác lập hợp đồng, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.913.000đ (*Một triệu, chín trăm mười ba ngàn đồng*).

Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 (nay là Ngân hàng Trách nhiệm hữu hạn một thành viên S) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 907.000đ (*Chín trăm lẻ bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng số 0005243 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND H.Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;

- Chi Cục THADS H.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ, VT;

Huỳnh Thị Kim Thuỳ